

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày: 09/02/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Hải

2. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020 về: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST – DS ngày 21/01/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường T2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Khánh C (theo giấy ủy quyền số 351/2020/UQ-CNTB ngày 11/8/2020)

Địa chỉ liên hệ: 224 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: 87/153 đường S, Phường M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/12/2016, bà Nguyễn Thị Xuân N có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14,650,800 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà N phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13,136,323 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/7/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/8/2020 là 5,790,252 đồng (trong đó nợ gốc là 3,236,666 đồng và nợ lãi là 2,553,585 đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Xuân N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 09/01/2021 là 6,343,413 đồng (trong đó nợ gốc là 3,236,666 đồng và nợ lãi là 3,106,747 đồng), yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 10/01/2021 cho đến khi bà Nguyễn Thị Xuân N thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 21/12/2016.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Xuân N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân N. Theo kết quả xác minh của Công an Phường M1, quận T thì bà N có đăng ký tạm trú tại 87/153 đường S, Phường M1, quận T nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, hiện không rõ nơi cư ngụ khác. Theo Hợp đồng sử dụng thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 21/12/2016 bà N cung cấp địa chỉ hiện tại đang sinh sống là 87/153 đường S, Phường M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, địa chỉ 87/153 đường S, Phường M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Xét Giấy ủy quyền số 351/2020/UQ-CNTB ngày 11/8/2020 của Ngân hàng là ủy quyền hợp lệ nên ông Ma Khánh C có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 21/12/2016, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Xuân N có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và có phát sinh dư nợ nhưng không thanh toán. Tính đến ngày 09/01/2021, số tiền bà N còn nợ Ngân hàng là 6,343,413 đồng (trong đó nợ gốc là 3,236,666 đồng và nợ lãi là 3,106,747 đồng).

Việc Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là 6,343,413 đồng (trong đó nợ gốc là 3,236,666 đồng và nợ lãi là 3,106,747 đồng) và tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 10/01/2021 cho đến khi bà N thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày

21/12/2016 là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Xuân N có trách nhiệm trả số tiền 6,343,413 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1 nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 317,170 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1 đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1:

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1 số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 21/12/2016 là 6,343,413 (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm mười ba) đồng gồm nợ gốc là 3,236,666 (Ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, lãi quá hạn là 3,106,747 (Ba triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm bốn mươi bảy) đồng.

Bà Nguyễn Thị Xuân N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/01/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 21/12/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 317,170 (Ba trăm mười bảy nghìn một trăm bảy mươi) đồng do bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300,000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/006843 ngày 21/09/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc